

CÂU HỎI ÔN TẬP QUẢN TRỊ SẢN XUẤT ĐẠI CƯƠNG

1. Theo quan niệm phổ biến, sản xuất được hiểu là gì?
 - A. Hoạt động trao đổi trên thị trường
 - B. Hoạt động tiêu thụ sản phẩm
 - C. Quá trình tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ
 - D. Quá trình phân phối thu nhập
2. Sản xuất đơn chiếc có đặc điểm nào sau đây?
 - A. Ít chủng loại, sản lượng rất lớn
 - B. Nhiều chủng loại sản phẩm, sản lượng mỗi loại nhỏ
 - C. Sản phẩm được sản xuất theo dây chuyền
 - D. Sản xuất hoàn toàn tự động
3. Sản xuất liên tục là hình thức tổ chức sản xuất trong đó:
 - A. Sản phẩm di chuyển ngẫu nhiên
 - B. Thiết bị bố trí theo dây chuyền, dòng sản phẩm thẳng
 - C. Gia công từng sản phẩm riêng lẻ
 - D. Chỉ sản xuất theo đơn đặt hàng
4. Sản xuất để dự trữ thường được áp dụng khi nào?
 - A. Chỉ khi có đơn hàng
 - B. Chu kỳ sản xuất ngắn hơn chu kỳ thương mại
 - C. Không có biến động nhu cầu
 - D. Chu kỳ sản xuất dài hơn chu kỳ thương mại
5. Ưu điểm chủ yếu của sản xuất theo yêu cầu là gì?
 - A. Tăng khối lượng dự trữ
 - B. Giảm tồn kho và chi phí tài chính
 - C. Kéo dài thời gian giao hàng
 - D. Tăng chi phí sản xuất
6. Quá trình sản xuất hội tụ thường áp dụng khi:
 - A. Sản phẩm có nhiều chi tiết cấu thành
 - B. Sản phẩm có ít chi tiết
 - C. Nguyên liệu đầu vào đa dạng
 - D. Sản phẩm đầu ra rất khác nhau
7. Quá trình sản xuất phân kỳ có điểm hội tụ còn gọi là:
 - A. Quá trình song song
 - B. Quá trình lắp ráp
 - C. Quá trình sản xuất hỗn hợp
 - D. Quá trình gián đoạn
8. Sản xuất bậc 2 là hình thức:
 - A. Cung cấp dịch vụ
 - B. Khai thác tài nguyên tự nhiên

- C. Chế biến nguyên liệu thô thành hàng hóa
- D. Hoạt động thương mại

9. Một đặc điểm của sản xuất hiện đại là:

- A. Ít quan tâm đến chất lượng
- B. Có kế hoạch khoa học và đội ngũ lao động được đào tạo tốt
- C. Không cần thiết bị hiện đại
- D. Phụ thuộc hoàn toàn vào lao động thủ công

10. Kiểm soát chi phí trong sản xuất hiện đại được thực hiện như thế nào?

- A. Thường xuyên trong từng chức năng và giai đoạn
- B. Chỉ khi kết thúc sản xuất
- C. Chỉ khi có thua lỗ
- D. Không cần thiết

11. Quản trị sản xuất là quá trình nào sau đây?

- A. Thiết kế, hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra hệ thống sản xuất
- B. Quản lý lao động
- C. Quản lý tài chính
- D. Quản lý bán hàng

12. Một mục tiêu quan trọng của quản trị sản xuất là:

- A. Giảm mức độ linh hoạt
- B. Kéo dài thời gian sản xuất
- C. Tăng tồn kho
- D. Rút ngắn thời gian sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ

13. Đầu ra của hoạt động dịch vụ có đặc điểm nào?

- A. Hữu hình và có thể dự trữ
- B. Vô hình và không thể dự trữ
- C. Luôn tiêu chuẩn hóa
- D. Không cần đánh giá chất lượng

14. Các kỹ năng quan trọng của người quản trị sản xuất là:

- A. Kỹ năng bán hàng
- B. Kỹ năng tài chính
- C. Kỹ năng kỹ thuật, nhân sự và tư duy
- D. Kỹ năng hành chính

15. Yếu tố “nghệ thuật” trong dự báo thể hiện ở việc:

- A. Nhà quản trị sử dụng kinh nghiệm và phán đoán trong điều kiện thiếu thông tin
- B. Áp dụng máy móc các công thức toán học
- C. Chỉ dựa vào dữ liệu thống kê
- D. Luôn cho ra kết quả chính xác tuyệt đối

16. Một vai trò quan trọng của dự báo là giúp doanh nghiệp:

- A. Giảm hoàn toàn chi phí sản xuất

- B. Chủ động đáp ứng nhu cầu và không bỏ lỡ cơ hội kinh doanh
- C. Loại bỏ mọi rủi ro kinh doanh
- D. Không cần lập kế hoạch dài hạn

17. Dự báo ngắn hạn thường có tầm xa dự báo:

- A. Từ 3–5 năm
- B. Trên 3 năm
- C. Dưới 1 năm
- D. Trên 10 năm

18. So với dự báo ngắn hạn, dự báo trung và dài hạn có đặc điểm nào?

- A. Độ chính xác cao hơn
- B. Độ chính xác thấp hơn và giải quyết các vấn đề mang tính toàn diện
- C. Luôn sử dụng nhiều mô hình toán học hơn
- D. Không liên quan đến hoạch định sản xuất

19. Dự báo kinh tế thường do ai thực hiện?

- A. Khách hàng cá nhân
- B. Bộ phận bán hàng của doanh nghiệp
- C. Công nhân sản xuất
- D. Các cơ quan nghiên cứu và tư vấn kinh tế ở tầm vĩ mô

20. Phương pháp dự báo định tính chủ yếu dựa vào yếu tố nào?

- A. Công thức toán học phức tạp
- B. Trực giác, kinh nghiệm và sự nhạy cảm của người dự báo
- C. Mô hình chuỗi thời gian
- D. Phân tích hồi quy

21. Nhược điểm chính của phương pháp lấy ý kiến chuyên gia là:

- A. Không phù hợp với quản trị sản xuất
- B. Không sử dụng được dữ liệu
- C. Chịu ảnh hưởng bởi quan điểm cá nhân của nhà quản trị cấp cao
- D. Không thể áp dụng trong thực tế

22. Nhược điểm của phương pháp lấy ý kiến lực lượng bán hàng là:

- A. Khó ước lượng chính xác nhu cầu trong tương lai
- B. Không phản ánh thị trường
- C. Không sử dụng được trong doanh nghiệp lớn
- D. Không liên quan đến dự báo

23. Ưu điểm nổi bật của phương pháp nghiên cứu thị trường là:

- A. Chi phí thấp và dễ thực hiện
- B. Cung cấp thông tin nhu cầu và phản hồi để cải tiến sản phẩm
- C. Không cần xử lý dữ liệu
- D. Luôn cho kết quả chính xác

24. Phương pháp Delphi có đặc điểm nào sau đây?
- A. Không cần điều phối viên
 - B. Chỉ thực hiện một lần duy nhất
 - C. Lấy ý kiến chuyên gia qua nhiều vòng để đạt sự thống nhất
 - D. Không sử dụng chuyên gia
25. Dự báo định lượng thường bao gồm những loại mô hình nào?
- A. Mô hình chuỗi thời gian và mô hình nhân quả
 - B. Mô hình chuyên gia
 - C. Mô hình Delphi
 - D. Mô hình cảm tính
26. Phương pháp bình quân di động có trọng số khác với giản đơn ở điểm nào?
- A. Mỗi kỳ được gán trọng số khác nhau
 - B. Không sử dụng dữ liệu quá khứ
 - C. Không cần xác định số kỳ
 - D. Không cần tính toán
27. Phương pháp san bằng mũ được đưa ra nhằm mục đích gì?
- A. Chỉ dùng cho dự báo dài hạn
 - B. Thay thế hoàn toàn mọi phương pháp khác
 - C. Khắc phục nhược điểm của phương pháp bình quân di động
 - D. Không sử dụng dữ liệu quá khứ
28. Khi hệ số san bằng mũ α càng nhỏ thì kết quả dự báo:
- A. Càng nhạy với biến động
 - B. Càng ít nhạy với biến động của nhu cầu thực tế
 - C. Luôn chính xác hơn
 - D. Không thay đổi
29. Năng lực sản xuất của một trung tâm sản xuất được hiểu đúng nhất là gì?
- A. Mức sản xuất trung bình của doanh nghiệp
 - B. Sản lượng thực tế đạt được trong kỳ sản xuất
 - C. Công suất thiết kế ghi trong hồ sơ kỹ thuật
 - D. Khả năng sản xuất tối đa trong một thời gian nhất định với việc sử dụng hợp lý các nguồn lực hiện có
30. Năng lực sản xuất được xem là “mang tính tiên tiến” vì:
- A. Phản ánh kết quả đã đạt được
 - B. Thể hiện khả năng lớn nhất mà trung tâm sản xuất có thể đạt được
 - C. Mang ý nghĩa lý thuyết
 - D. Không gắn với điều kiện thực tế
31. Trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm tương tự, năng lực sản xuất thường được đo bằng:

- A. Tổng doanh thu
- B. Số lượng sản phẩm quy đổi về một sản phẩm tiêu chuẩn
- C. Tổng số công nhân
- D. Tổng số máy móc

32. Trong quy trình công nghệ nối tiếp, năng lực sản xuất toàn quy trình thường bị chi phối bởi:

- A. Năng lực của bộ phận cuối cùng
- B. Năng lực của bộ phận mạnh nhất
- C. Năng lực trung bình của các bộ phận
- D. Năng lực của bộ phận yếu nhất

33. Năng lực sản xuất đa nguồn phát sinh khi:

- A. Quá trình sản xuất cần sử dụng đồng thời nhiều loại nguồn lực khác nhau
- B. Doanh nghiệp chỉ sử dụng một nguồn lực
- C. Máy móc và lao động có năng lực giống nhau
- D. Sản xuất chỉ phụ thuộc vào thiết bị

34. Năng lực sản xuất tính theo diện tích sản xuất chịu ảnh hưởng trực tiếp của:

- A. Trình độ tay nghề công nhân
- B. Diện tích chiếm chỗ của một đơn vị sản phẩm và thời gian chu kỳ sản xuất
- C. Công suất thiết kế
- D. Số lượng đơn hàng

35. Công suất được hiểu là:

- A. Sản lượng thực tế tiêu thụ
- B. Khả năng sản xuất của máy móc thiết bị và dây chuyền trong một đơn vị thời gian
- C. Tổng chi phí sản xuất
- D. Doanh thu đạt được

36. Công suất thực tế của doanh nghiệp là:

- A. Công suất theo thiết kế
- B. Khối lượng sản phẩm đạt được trong điều kiện hoạt động thực tế
- C. Công suất theo kế hoạch
- D. Công suất mong muốn

37. Một trong những lý do quan trọng phải hoạch định công suất là:

- A. Giảm hoàn toàn rủi ro thị trường
- B. Tránh lãng phí do sử dụng không hết năng lực sản xuất
- C. Đảm bảo lợi nhuận tối đa
- D. Không cần dự báo nhu cầu

38. Diện tích nhà xưởng và kết cấu hạ tầng được xem là:
- A. Điều kiện và giới hạn của năng lực sản xuất
 - B. Yếu tố không quan trọng
 - C. Yếu tố thay đổi dễ dàng
 - D. Yếu tố không ảnh hưởng công suất
39. Trong hoạch định công suất, yêu cầu đảm bảo tính linh hoạt có ý nghĩa gì?
- A. Vừa đáp ứng nhu cầu hiện tại vừa thích ứng với biến động tương lai
 - B. Chỉ đáp ứng nhu cầu trước mắt
 - C. Chỉ đáp ứng nhu cầu dài hạn
 - D. Không cần dự báo
40. Việc xây dựng nhiều phương án công suất khác nhau nhằm mục đích:
- A. Kéo dài thời gian ra quyết định
 - B. Tăng độ phức tạp trong quản lý
 - C. Lựa chọn phương án tối ưu về chi phí và hiệu quả
 - D. Tránh phân tích tài chính
41. Chỉ tiêu Maximax phù hợp với doanh nghiệp có đặc điểm nào?
- A. Rất thận trọng trong quyết định
 - B. Sẵn sàng chấp nhận rủi ro cao để đạt lợi nhuận tối đa
 - C. Không chấp nhận rủi ro
 - D. Luôn chọn phương án trung bình
42. Giá trị mong đợi của thông tin hoàn hảo (EVPI) phản ánh:
- A. Tổng chi phí đầu tư công suất
 - B. Mức giá tối đa doanh nghiệp sẵn sàng trả để có thông tin chắc chắn
 - C. Lợi nhuận tối đa đạt được
 - D. Chi phí sản xuất bình quân
43. Trường hợp nào sau đây thuộc quyết định định vị doanh nghiệp?
- A. Thay đổi định mức lao động
 - B. Thay đổi quy trình công nghệ
 - C. Điều chỉnh ca làm việc
 - D. Đóng cửa cơ sở cũ và chuyển sang địa điểm mới
44. Đối với tổ chức phi lợi nhuận, mục tiêu định vị chủ yếu là:
- A. Tối đa hóa lợi nhuận
 - B. Cân đối giữa chi phí xã hội bỏ ra và mức độ thỏa mãn nhu cầu dịch vụ
 - C. Mở rộng thị phần
 - D. Giảm chi phí sản xuất

45. Vì sao quyết định định vị doanh nghiệp được xem là khó sửa chữa nếu sai lầm?

- A. Do thiếu thông tin thị trường
- B. Do ảnh hưởng lâu dài và chi phí khắc phục rất lớn
- C. Do không có công nghệ phù hợp
- D. Do thay đổi chính sách giá

46. Điều kiện văn hóa – xã hội ảnh hưởng đến định vị doanh nghiệp chủ yếu thông qua:

- A. Dân số, lao động, cơ sở hạ tầng và chính sách địa phương
- B. Giá bán sản phẩm
- C. Chiến lược cạnh tranh
- D. Công nghệ sản xuất

47. Quy định của chính quyền địa phương được xem là nhân tố ảnh hưởng đến:

- A. Quyết định chọn địa điểm cụ thể của doanh nghiệp
- B. Thiết kế sản phẩm
- C. Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp
- D. Chiến lược giá

48. Trong phân tích chi phí theo vùng, vị trí doanh nghiệp được lựa chọn là vị trí:

- A. Có thị trường lớn nhất
- B. Có chi phí cố định thấp nhất
- C. Có chi phí biến đổi thấp nhất
- D. Có tổng chi phí thấp nhất tại mức sản lượng dự kiến

49. Phương pháp tọa độ trung tâm thường được sử dụng trong trường hợp:

- A. Lựa chọn văn phòng đại diện
- B. Lựa chọn địa điểm nhà máy sản xuất đơn chiếc
- C. Lựa chọn trụ sở chính
- D. Lựa chọn vị trí kho phân phối trung tâm

50. Bố trí sản xuất trong doanh nghiệp được hiểu là:

- A. Hoạch định công suất
- B. Phân công lao động
- C. Thiết kế sản phẩm
- D. Sắp xếp không gian các phương tiện vật chất phục vụ sản xuất

51. Bố trí sản xuất theo quá trình sản xuất phù hợp nhất với:

- A. Sản xuất dây chuyền
- B. Sản xuất hàng khối
- C. Sản xuất liên tục
- D. Sản xuất gián đoạn, nhiều chủng loại sản phẩm

52. Nhược điểm lớn nhất của bố trí sản xuất theo sản phẩm là:

- A. Kém linh hoạt khi sản phẩm hoặc sản lượng thay đổi
- B. Chi phí vận chuyển cao
- C. Khó chuyên môn hóa lao động
- D. Năng suất thấp

53. Hệ thống sản xuất linh hoạt có đặc trưng là:

- A. Khả năng điều chỉnh nhanh để thay đổi sản phẩm
- B. Chỉ sản xuất một loại sản phẩm
- C. Quy mô rất lớn
- D. Phụ thuộc hoàn toàn vào dây chuyền

54. Trong thiết kế bố trí sản xuất theo quá trình, phương pháp định tính của Richard Muther dùng để:

- A. Tối ưu hóa lịch trình sản xuất
- B. Tính chi phí vận chuyển
- C. Tính công suất dây chuyền
- D. Đánh giá mức độ cần thiết của sự gần nhau giữa các bộ phận

55. Thiết kế bố trí theo sản phẩm tập trung vào nhiệm vụ nào?

- A. Giảm số máy móc
- B. Tối đa hóa số nơi làm việc
- C. Giảm số công việc
- D. Cân đối dây chuyền để các công việc có thời gian gần bằng nhau

56. Mục tiêu cơ bản của hoạch định tổng hợp trong doanh nghiệp là gì?

- A. Sử dụng kết hợp các nguồn lực để đảm bảo sản xuất ổn định, chi phí thấp và tồn kho tối thiểu
- B. Tối đa hóa sản lượng trong mọi trường hợp
- C. Tăng số lượng lao động dài hạn
- D. Loại bỏ hoàn toàn tồn kho

57. Một nhiệm vụ quan trọng của hoạch định tổng hợp là:

- A. Cân đối mức sản xuất và tồn kho để thỏa mãn nhu cầu thị trường dự báo
- B. Tăng mức dự trữ nguyên vật liệu
- C. Giảm số lượng sản phẩm sản xuất
- D. Loại bỏ thuê ngoài

58. Chiến lược bị động trong hoạch định tổng hợp có đặc điểm nào?

- A. Điều chỉnh cầu theo khả năng doanh nghiệp
- B. Điều chỉnh các nguồn lực để chạy theo mức cầu
- C. Không liên quan đến nhu cầu thị trường
- D. Chỉ sử dụng trong dài hạn

59. Ưu điểm nổi bật của chiến lược thay đổi mức tồn kho là:

- A. Chi phí tồn kho thấp
- B. Đảm bảo sản xuất ổn định và không phải thay đổi lao động
- C. Phản ứng nhanh với mọi biến động cầu
- D. Không cần dự báo nhu cầu

60. Chiến lược thay đổi nhân lực theo mức cầu được thực hiện bằng cách:

- A. Tăng tồn kho thành phẩm
- B. Tuyển thêm lao động khi cầu tăng và sa thải khi cầu giảm
- C. Làm thêm giờ trong mọi trường hợp
- D. Thuê ngoài toàn bộ sản xuất

61. Chiến lược thay đổi nhân lực chỉ nên áp dụng khi:

- A. Công việc có kỹ năng phức tạp
- B. Công việc đơn giản, không đòi hỏi tay nghề cao
- C. Doanh nghiệp có công nghệ cao
- D. Nhu cầu ổn định

62. Nhược điểm lớn của chiến lược làm thêm giờ là:

- A. Không đáp ứng được cầu
- B. Chi phí lương ngoài giờ cao và giảm năng suất biên chế
- C. Không áp dụng được trong thực tế
- D. Không ảnh hưởng giá thành

63. Nhược điểm của chiến lược thuê ngoài là:

- A. Không đáp ứng cầu
- B. Chi phí đào tạo tăng
- C. Giảm linh hoạt
- D. Khó kiểm soát chất lượng và có nguy cơ mất khách hàng

64. Nhược điểm của chiến lược lao động bán thời gian là:

- A. Chi phí cao
- B. Biến động lao động cao và khó kiểm soát sản xuất
- C. Không linh hoạt
- D. Không phù hợp dịch vụ

65. Ưu điểm của chiến lược tác động đến nhu cầu là:

- A. Không cần marketing
- B. Dự báo nhu cầu chính xác hơn
- C. Giảm chi phí sản xuất
- D. Sử dụng hết khả năng sản xuất và tăng sức cạnh tranh

66. Ưu điểm của chiến lược đặt cọc trước là:
- A. Giảm tồn kho
 - B. Tăng nhanh sản lượng
 - C. Cân bằng cầu – cung và tạo nguồn thu ổn định
 - D. Tăng lao động
67. Ưu điểm của chiến lược sản phẩm hỗn hợp theo mùa là:
- A. Giảm chi phí marketing
 - B. Tận dụng nguồn lực và ổn định việc làm cho người lao động
 - C. Tăng tồn kho
 - D. Giảm linh hoạt
68. Hoạch định tổng hợp kiểu quy nạp thường sử dụng hệ thống nào?
- A. MRP và MRP II
 - B. ERP
 - C. JIT
 - D. Lean
69. Phương pháp hoạch định bằng định mức công nghệ có ưu điểm là:
- A. Không cần dữ liệu
 - B. Độ chính xác tuyệt đối
 - C. Áp dụng tốt cho chu kỳ dài
 - D. Đơn giản và phản ánh cụ thể nhu cầu nguồn lực cho sản phẩm
70. Khó khăn lớn nhất của hoạch định tổng hợp kiểu diễn giải là:
- A. Thiếu công nghệ
 - B. Thiếu dữ liệu
 - C. Lựa chọn sản phẩm quy ước phù hợp
 - D. Thiếu lao động
71. Chiến lược kết hợp lao động và làm thêm giờ nhằm mục tiêu:
- A. Giảm năng suất
 - B. Tối đa hóa tồn kho
 - C. Tăng lao động dài hạn
 - D. Cực tiểu hóa tổng chi phí hoạch định
72. Các chiến lược kết hợp thường được sử dụng vì:
- A. Không có chiến lược đơn lẻ nào tối ưu trong mọi tình huống
 - B. Dễ lập kế hoạch hơn
 - C. Chi phí thấp hơn mọi trường hợp
 - D. Ít rủi ro hơn

BÀI TẬP LÀ TẤT CẢ CÁC DẠNG ĐÃ HỌC.

